

PHÒNG GD-ĐT QUẬN ĐỒNG ĐA
TRƯỜNG THCS HUY VĂN

NỘI DUNG ÔN TẬP - MÔN VẬT LÝ 8
Tuần 9 (Từ ngày 30/3 đến ngày 4/4)

I. Chuyên động cơ học.

Câu 1: Người hành khách ngồi trên ô tô đang chạy song song với bờ sông và ngược chiều dòng nước chảy thì người này đứng yên so với:

- A. Bờ sông. C. Dòng nước.
B. Người lái xe ô tô. D. Người soát vé đang đi lại.

Câu 2: Chuyển động nào sau đây là chuyển động đều?

- A. Vận động viên trượt tuyết từ dốc núi xuống.
B. Tàu hỏa đi từ Hà Nội vào Đà Nẵng.
C. Vận động viên chạy 100m đang về đích.
D. Không có chuyển động nào kể trên là đều.

Câu 3: Trong các chuyển động sau, quỹ đạo của chuyển động nào là đường thẳng.

- A. Một chiếc lá rơi từ trên cây xuống.
B. Van xe đạp khi xe khi xe đang chuyển động trên đường.
C. Một viên phấn rơi từ trên cao xuống.
D. Một viên đá được ném theo phương nằm ngang.

Câu 4: Một người đi xe máy với vận tốc 12m/s trong thời gian 10 phút. Quãng đường người đó đi được là:

- A. 120m.
B. 12m.
C. 7200km.
D. 7200m.

Câu 5: Một người đi được quãng đường S_1 hết thời gian t_1 giây, đi quãng đường S_2 hết thời gian t_2 giây. Vận tốc trung bình của người này trên cả 2 quãng đường S_1 và S_2 là:

- A. $v_{tb} = \frac{v_1 + v_2}{2}$; B. $v_{tb} = \frac{S_1}{t_1} + \frac{S_2}{t_2}$;
C. $v_{tb} = \frac{S_1 + S_2}{t_1 + t_2}$; D. $v_{tb} = \frac{t_1 + t_2}{S_1 + S_2}$.

Câu 6: Một người đi xe máy từ A đến B. Trên đoạn đường đầu người đó đi hết 15 phút. Đoạn đường còn lại người đó đi trong thời gian 30 phút với vận tốc 12m/s. Hỏi đoạn đường đầu dài bao nhiêu? Biết vận tốc trung bình của người đó trên cả quãng đường AB là 36km/h.

- A. 3 km.
B. 5,4 km.
C. 10,8 km.
D. 21,6 km.

Câu 7: Một vật chuyển động trong nửa thời gian đầu đi với vận tốc 40 km/h, nửa thời gian sau đi với vận tốc 30 km/h. Vận tốc trung bình của vật trong suốt quá trình chuyển động là:

- A. 30km/h; B. 40km/h; C. 70km/h; D. 35km/h.

Câu 8: Trong các câu phát biểu sau câu nào đúng:

- A. Một vật đứng yên thì nó sẽ đứng yên trong mọi trường hợp.

- B. Một vật đang chuyển động thì nó sẽ chuyển động trong mọi trường hợp.
- C. Một vật đứng yên hay chuyển động còn phụ thuộc vào khoảng cách so với vật khác.
- D. Một vật đứng yên hay chuyển động phụ thuộc vào vật mốc được chọn.

II. Lực – Quán tính

Câu 9: Hành khách ngồi trên xe ô tô đang chuyển động bỗng thấy mình bị ngã người sang trái, chứng tỏ xe:

- A. Đột ngột giảm vận tốc.
- B. Đột ngột tăng vận tốc.
- C. Đột ngột rẽ sang phải.
- D. Đột ngột rẽ sang trái.

Câu 10: Lực ma sát trượt xuất hiện trong trường hợp nào sau đây:

- A. Ma sát giữa đầu bút bi với tờ giấy khi đang viết.
- B. Ma sát bánh xe với mặt đường khi bánh xe đang lăn.
- C. Ma sát giữa quả bóng đang lăn trên sân với mặt sân.
- D. Ma sát giữa khăn lau bảng với bảng.

Câu 11: Vì sao nói lực là một đại lượng véctơ ?

- A. Vì lực là đại lượng chỉ có độ lớn.
- B. Vì lực là đại lượng vừa có độ lớn vừa có phương.
- C. Vì lực là đại lượng vừa có độ lớn vừa có phương và chiều.
- D. Vì lực là đại lượng vừa có phương vừa có chiều.

Câu 12: Véctơ lực được biểu diễn như thế nào?

- A. Bằng một mũi tên có phương, chiều tùy ý.
- B. Bằng một mũi tên có phương, chiều trùng với phương, chiều của lực, có độ dài biểu thị cường độ của lực theo tỉ xích cho trước.
- C. Bằng một mũi tên có phương, chiều trùng với phương, chiều của lực.
- D. Bằng một mũi tên có phương, chiều trùng với phương, chiều của lực, có độ dài tùy ý biểu thị cường độ của lực.

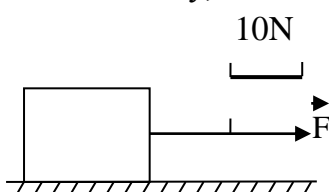
Câu 13: Trong các chuyển động dưới đây chuyển động nào do tác dụng của trọng lực.

- A. Xe đi trên đường.
- B. Thác nước đổ từ trên cao xuống.
- C. Mũi tên bắn ra từ cánh cung.
- D. Quả bóng bị nảy bật lên khi chạm đất.

Câu 14: Trong các trường hợp dưới đây trường hợp nào ma sát có ích?

- A. Ma sát làm mòn lốp xe.
- B. Ma sát làm ô tô qua được chỗ lầy.
- C. Ma sát sinh ra giữa trục xe và bánh xe.
- D. Ma sát sinh ra khi vật trượt trên mặt sàn.

Câu 15: Trong hình vẽ dưới đây, đặc điểm của lực là:



- A. lực có điểm đặt tại vật, cường độ 20N.
- B. lực có phương ngang, chiều từ trái sang phải, cường độ 20N.
- C. lực có phương không đổi, chiều từ trái sang phải, cường độ 20N.
- D. lực có phương ngang, chiều từ trái sang phải, cường độ 20N, có điểm đặt tại vật.

III. Cơ năng.

Câu 16: Phát biểu nào sau đây *không đúng*?

- A. Động năng là cơ năng của vật có được do đang chuyển động.
- B. Vật có động năng có khả năng sinh công.
- C. Động năng của vật không thay đổi khi vật chuyển động đều.
- D. Động năng của vật chỉ phụ thuộc vào vận tốc, không phụ thuộc khối lượng của vật.

Câu 17: Khi vận động viên cử tạ nâng tạ từ sàn (mặt đất) lên, lúc ngang qua đầu mình, tạ có cơ năng ở dạng:

- A. Thế năng trọng trường.
- B. Thế năng đàn hồi.
- C. động năng.
- D. thế năng trọng trường và động năng.

Câu 18: Khi giữ tạ đứng yên trên đầu, tạ dự trữ cơ năng ở dạng:

- A. Thế năng trọng trường.
- B. Thế năng đàn hồi.
- C. động năng.
- D. thế năng trọng trường và động năng.

Câu 19: Trong các câu phát biểu về cơ năng sau câu phát biểu nào SAI?

- A. Đơn vị của cơ năng là Jun.
- B. Cơ năng của một vật bằng tổng động năng và thế năng của nó.
- C. Động năng của vật có thể bằng không.
- D. Lò xo bị nén có thế năng trọng trường.

Câu 20: Điền các từ, cụm từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành các câu sau :

- a. Một lò xo bị nén thì có....., vì khi buông ra lò xo có khả năng thực hiệnvà đẩy một vật nặng lên cao.
- b. Hai quả cầu có khối lượng như nhau, thì quả cầu nằm ở tầng 5 của tòa nhà sẽ có.....lớn hơn quả cầu nằm ở tầng 2, vì khi rơi, quả cầu ở tầng 5 sẽ thực hiện.....lớn hơn quả cầu kia.